



GIỚI THIỆU NỘI DUNG CƠ BẢN LUẬT CẢNH VỆ

Ngày 20/6/2017, tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Cảnh vệ, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018. Bộ Công an xin trân trọng giới thiệu Luật Cảnh vệ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

Ngày 02 tháng 4 năm 2005, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh Cảnh vệ. Pháp lệnh Cảnh vệ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2005. Pháp lệnh được ban hành đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để lực lượng Cảnh vệ thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần phục vụ sự nghiệp bảo vệ Đảng, Nhà nước, công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Tuy nhiên, trước sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước cũng như việc bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới đã đặt ra các yêu cầu mới, cụ thể là:

Thứ nhất, khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng". Vì vậy, xây dựng Luật Cảnh vệ để cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013, vừa bảo đảm cho hoạt động của lực lượng Cảnh vệ được thuận lợi, vừa bảo đảm quyền con người, quyền công dân được thực hiện theo đúng quy định của Hiến pháp năm 2013.

Thứ hai, trong những năm qua, tình hình an ninh, trật tự ở trong nước và trên thế giới diễn biến hết sức phức tạp, khó lường, tình hình khủng bố quốc tế có xu hướng gia tăng. Trong khi đó, đất nước ta đang trong quá trình hội nhập quốc tế, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước thường xuyên đi thăm và làm việc ở các nước trên thế giới; nước ta cũng ngày càng đón nhiều đoàn nguyên thủ quốc gia, đoàn khách quốc tế, tổ chức nhiều sự kiện chính trị, kinh tế, xã hội quan trọng. Vì vậy, yêu cầu đối với công tác cảnh vệ ngày càng nặng nề và phức tạp hơn, cần có các quy định cụ thể tạo cơ sở pháp lý đầy đủ hơn cho lực lượng Cảnh vệ thực thi nhiệm vụ, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới.

Thứ ba, những năm gần đây, nhiều luật, pháp lệnh như Luật trung mua, trưng dụng tài sản, Luật hàng không dân dụng Việt Nam được ban hành... Trong đó, có một số quy định chưa thống nhất với Pháp lệnh Cảnh vệ để tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện công tác cảnh vệ như: các quy định về huy động phương tiện, tài sản, việc miễn phí cầu đường cho đối tượng cảnh vệ; mang, sử dụng vũ khí trên tàu bay.... Vì vậy, cần xây dựng Luật Cảnh vệ để bảo đảm hành lang pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi để lực lượng Cảnh vệ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Thứ tư, qua hơn 10 năm triển khai thi hành, Pháp lệnh Cảnh vệ đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần phải được hoàn thiện, cụ thể như:

- Pháp lệnh chưa quy định rõ về trách nhiệm phối hợp thực hiện công tác cảnh vệ giữa Bộ Công an với các Bộ, ngành liên quan, giữa lực lượng Cảnh vệ với các cơ quan của Việt Nam trên lãnh thổ nước ngoài. Hiện nay, việc thực hiện phối hợp này chủ yếu áp dụng theo quy chế phối hợp nên việc tổ chức công tác cảnh vệ còn bị động, lúng túng.

- Các quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và công dân đối với công tác cảnh vệ còn chung chung, khó thực hiện; chưa quy định cụ thể về chế độ, chính sách của Nhà nước đối với cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, cá nhân bị thương tích, tổn hại về sức khỏe hoặc bị thiệt hại về tính mạng, tài sản trong khi tham gia, phối hợp thực hiện công tác cảnh vệ.

- Pháp lệnh chưa quy định cụ thể nội dung, biện pháp và trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan trong thực hiện quản lý nhà nước về công tác cảnh vệ; chưa quy định về hợp tác quốc tế trong công tác cảnh vệ.

Từ những lý do nêu trên cho thấy, việc nghiên cứu xây dựng Luật Cảnh vệ là cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT

1. Quán triệt và thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân; phù hợp với tiến trình hội nhập, mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế; phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

2. Việc xây dựng Luật Cảnh vệ được tiến hành trên cơ sở tổng kết thực tiễn trong những năm qua; kế thừa các quy định còn phù hợp của Pháp lệnh Cảnh vệ năm 2005, khắc phục những tồn tại, bất cập, hạn chế, đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng Cảnh vệ chính quy, tinh nhuệ, hiện đại trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

3. Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, tương xứng hơn cho công tác cảnh vệ; bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

4. Phù hợp với các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên; tham khảo có chọn lọc pháp luật và kinh nghiệm thực tiễn về tổ chức và hoạt động của Cảnh vệ một số nước phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

Luật Cảnh vệ gồm 6 chương, 33 điều. So với Pháp lệnh Cảnh vệ năm 2005, Luật Cảnh vệ đã bổ sung 02 chương, 12 điều, cụ thể như sau:

Chương I. Quy định chung gồm 09 điều (từ Điều 1 đến Điều 9) quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; vị trí, chức năng của lực lượng Cảnh vệ; nguyên tắc công tác cảnh vệ; chính sách đối với lực lượng cảnh vệ và công tác cảnh vệ; chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức,

cá nhân tham gia, phối hợp thực hiện công tác cảnh vệ; hợp tác quốc tế trong công tác cảnh vệ và các hành vi bị nghiêm cấm.

Trong Chương này, Luật bổ sung 02 điều mới so với Pháp lệnh Cảnh vệ quy định về vị trí, chức năng của lực lượng Cảnh vệ và hợp tác quốc tế trong công tác cảnh vệ. Theo đó, lực lượng Cảnh vệ được xác định là lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng có chức năng thực hiện công tác cảnh vệ để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho đối tượng cảnh vệ. Hoạt động hợp tác giữa lực lượng Cảnh vệ Việt Nam và nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam và trên lãnh thổ nước ngoài được thực hiện theo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo thỏa thuận trực tiếp giữa Việt Nam với quốc gia có liên quan trên nguyên tắc có đi có lại, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Chương II. Đối tượng cảnh vệ, biện pháp và chế độ cảnh vệ gồm 06 điều (từ Điều 10 đến Điều 15), quy định về đối tượng cảnh vệ; biện pháp, chế độ cảnh vệ đối với người giữ chức vụ, chức danh cấp cao của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; biện pháp, chế độ cảnh vệ đối với khách quốc tế đến thăm, làm việc tại Việt Nam; biện pháp cảnh vệ đối với khu vực trọng yếu; biện pháp cảnh vệ đối với các sự kiện đặc biệt quan trọng; quyền và trách nhiệm của người là đối tượng cảnh vệ.

Các quy định về đối tượng cảnh vệ, biện pháp và chế độ cảnh vệ quy định tại Chương này cơ bản kế thừa các quy định của Pháp lệnh Cảnh vệ năm 2005; theo đó, không bổ sung đối tượng cảnh vệ. Điểm mới trong Chương này là đã quy định cụ thể các biện pháp, chế độ cảnh vệ đối với từng nhóm đối tượng cảnh vệ để tạo thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện.

Chương III. Lực lượng Cảnh vệ; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của lực lượng Cảnh vệ và chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ gồm 8 điều (từ Điều 16 đến Điều 23), quy định về lực lượng Cảnh vệ; điều kiện, tiêu chuẩn tuyển chọn người vào lực lượng Cảnh vệ; nhiệm vụ của lực lượng Cảnh vệ; nghĩa vụ, trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ; quyền hạn của Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục trưởng Cục Bảo vệ an ninh Quân đội, cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ trong khi thi hành nhiệm vụ; quy định nỏ súng khi thi hành nhiệm vụ; huy động người, phương tiện để thực hiện công tác cảnh vệ; chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ.

Về lực lượng Cảnh vệ: Kế thừa Pháp lệnh Cảnh vệ, Luật Cảnh vệ quy định lực lượng Cảnh vệ được tổ chức tại Bộ Công an và Bộ Quốc phòng, bao gồm: Cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ của Bộ Tư lệnh Cảnh vệ thuộc Bộ Công an và cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ của Cục Bảo vệ an ninh Quân đội thuộc Bộ Quốc phòng.

Về quyền hạn của lực lượng Cảnh vệ: Điểm mới đáng chú ý của Luật Cảnh vệ là quy định rõ quyền hạn của Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục trưởng Cục Bảo vệ an ninh Quân đội và quyền hạn của cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ để

tránh lạm quyền trong quá trình thực thi nhiệm vụ; đồng thời, bổ sung một số quyền hạn mới cho cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ để đáp ứng yêu cầu công tác cảnh vệ trong tình hình hiện nay, như quy định được sử dụng Giấy bảo vệ đặc biệt, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, tín hiệu của xe ưu tiên; được mang theo vũ khí, phương tiện kỹ thuật, công cụ hỗ trợ vào cảng hàng không và lên tàu bay để thực hiện công tác cảnh vệ.

Về quy định nổ súng khi thi hành nhiệm vụ: Các trường hợp được nổ súng trong khi thi hành nhiệm vụ của lực lượng Cảnh vệ được quy định tại Nghị định số 128/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2006 hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Cảnh vệ, nay các trường hợp nổ súng được quy định cụ thể ngay trong Luật Cảnh vệ để phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 về tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và phù hợp với đặc thù của công tác cảnh vệ. Theo đó, trên cơ sở nguyên tắc và các trường hợp nổ súng được quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, Luật Cảnh vệ quy định cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ trong khi thi hành nhiệm vụ được nổ súng trong các trường hợp cụ thể sau đây: Cảnh báo đối tượng đang đột nhập vào khu vực, mục tiêu cảnh vệ; nổ súng vào đối tượng đang đột nhập vào khu vực, mục tiêu cảnh vệ, sau khi đã ra hiệu lệnh dừng lại và bắn chỉ thiên nhưng không hiệu quả; vô hiệu hóa đối tượng đang có hành vi tấn công trực tiếp đối tượng cảnh vệ hoặc cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ đang thực hiện nhiệm vụ; các trường hợp nổ súng khác theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Về huy động người, phương tiện để thực hiện công tác cảnh vệ: Để bảo đảm đồng bộ với Luật Công an nhân dân, Luật trưng mua, trưng dụng tài sản, Luật Cảnh vệ quy định trong trường hợp cấp bách, để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho đối tượng cảnh vệ, cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ được huy động người, phương tiện thông tin, phương tiện giao thông, phương tiện khác và người đang sử dụng, điều khiển phương tiện đó, trừ trường hợp phương tiện thuộc cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế và người được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Về chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ: Kế thừa nội dung của Pháp lệnh Cảnh vệ, Luật quy định cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật và được hưởng phụ cấp đặc thù, trợ cấp, hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

Chương IV. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với công tác cảnh vệ gồm 07 điều (từ Điều 24 đến Điều 30), quy định về trách nhiệm của Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với công tác cảnh vệ.

Chương VI. Điều khoản thi hành gồm 01 điều (Điều 55), quy định về hiệu lực thi hành; theo đó, Luật Cảnh vệ có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

IV. TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT

Để triển khai Luật Cảnh vệ đạt hiệu quả cao, từ nay đến ngày 01/7/2018, các cơ quan hữu quan cần xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật này, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan ban hành các Thông tư quy định chi tiết Luật và Nghị định. Cần tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ Cảnh vệ cũng như phổ biến, giáo dục rộng rãi cho nhân dân để hiểu và thực hiện đúng quy định của pháp luật.

BỘ CÔNG AN